

THÀNH TỐ VĂN HÓA TRONG GIÁO TRÌNH TIẾNG NGA GIAI ĐOẠN NÂNG CAO

TS. NGUYỄN QUÝ MÃO

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga
Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Khái niệm về thành tố văn hóa

1.1. Vai trò của thành tố văn hóa

Thành tố văn hóa luôn có một vai trò quan trọng trong việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung và giảng dạy tiếng Nga nói riêng. Trong giáo học pháp hiện đại, ngôn ngữ không chỉ được coi như là công cụ giao tiếp mà người học cần nắm vững để sử dụng vào mục đích của mình. Nó còn được xem như là một phương tiện làm quen với một thực tế mới, một nền văn hóa mới, tập tục, truyền thống mới, một hệ thống các quan hệ xã hội mới, từ cách xưng hô, tiếp xúc đến cách ứng xử trong các hoàn cảnh khác nhau để khỏi rơi vào tình trạng khó xử. Điều này có nghĩa là, trong quá trình học tập người ta lồng ghép những thông tin, những tư liệu vào giáo trình, cung cấp cho người học tất cả những gì cần thiết nhất để người học có một khái niệm tổng thể về đất nước mà mình học tiếng.

Đối với sinh viên Việt Nam, việc nắm vững tiếng Nga là việc nắm vững một ngôn ngữ thứ 2, có sự cố gắng để vượt qua những ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ cũng như thói quen ứng xử trong môi trường mà tiếng Việt là chủ đạo. Học tiếng Nga cũng đồng nghĩa với hiểu biết đất nước Nga, phong tục tập quán Nga, đặc biệt nắm bắt được những thay đổi về văn hóa Nga sau khi Liên xô tan rã, có sự giao lưu nhiều với các nền văn hóa phương Tây. Để quá trình này có thể diễn ra suôn sẻ, giáo trình cần phải biết chọn lựa những thông tin có lợi nhất cho việc học tập. Chính từ đây, giáo trình cần đưa ra được khối lượng hạn chế, trình bày tối ưu các thông tin mang yếu tố văn hóa. Song song với việc này, trong giáo trình phải có hệ thống bài tập thích ứng giúp người học rèn luyện nắm vững các yếu tố văn hóa này.

Các thành tố văn hóa chỉ là một trong những lĩnh vực chủ đạo của phương pháp giảng dạy tiếng nước ngoài coi tính giao tiếp được cá thể hóa là phương hướng chính. Các lĩnh vực khác trong phương pháp này là các lĩnh vực tâm lý, tâm lý ngôn ngữ, xã hội ngôn ngữ, tâm lý sinh hóa.

1.2. Quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

Bản thân ngôn ngữ đã là một thành tố văn hóa. Trong quá trình phát triển của mình nó chứa đựng trong mình tất cả những giá trị của văn hóa dân tộc, là công cụ để người sử dụng nó có thể diễn tả được tình cảm, suy nghĩ của mình. Giữa ngôn ngữ và văn hóa có một mối quan hệ mật thiết. Ngôn ngữ lưu giữ những giá trị văn hóa của một dân tộc nhất định, nhờ có ngôn ngữ mà các dân tộc có thể hiểu được nền văn hóa của nhau, giao lưu được với nhau. Ngược lại, chính văn hóa giúp cho ngôn ngữ phát triển, tăng khối lượng từ vựng hàng ngày, chất lọc, truyền bá những gì đẹp nhất, giá trị nhất của một dân tộc. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa vô cùng khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau.

Trong quá trình học một thứ tiếng nước ngoài, và đặc biệt, khi tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài, người học dễ bị rơi vào tình trạng sốc văn hóa (culture shock) hoặc xung đột văn hóa (cultural conflicts), thậm chí đôi khi gây ngừng trệ giao tiếp (communication breakdown) do sự khác biệt về văn hóa nói chung. Chính sự khác biệt này gây tự ái, mặc cảm, đôi khi cá cảm giác lỗ hích, từ cả hai bên, đặc biệt đối với người học lớn tuổi, những người mà sức cản của văn hóa mẹ đẻ vô cùng lớn, nếu họ không được chuẩn bị trước hành trang văn hóa của mình.

Chính vì vậy, trong tất cả giáo trình dạy tiếng nước ngoài bao giờ cũng có một mảng rất lớn, nếu không muốn nói là hầu hết ngữ liệu được trình bày chứa đựng những số liệu, thông tin về văn hóa, về đất nước của thứ tiếng được nghiên cứu. Thành tố văn hóa trong giáo trình dạy tiếng nước ngoài được thể hiện ở tất cả các cấp độ của ngôn ngữ, nhưng rõ ràng hơn cả là ở cấp độ từ vựng.

1.3. Cấu trúc của từ và thành tố văn hóa

Các nhà nghiên cứu về từ pháp (ví dụ như E.M. Verëshagin, V.D. Kastamaróp) cho rằng : Trong cấu trúc của một từ bao gồm 3 phần : nét nghĩa (лексема), khái niệm từ vựng (лексическое понятие) và phông từ vựng (лексический фон). Chính hai yếu tố sau này tạo nên phần ngữ nghĩa (семантическая доля) của từ và nó chiếm phần lớn hơn so với nét nghĩa. Cũng chính trong phần phông của từ vựng chứa đựng các thành tố văn hóa mà khi học một thứ tiếng nước ngoài người học phải được thông tin đầy đủ nét khác biệt cũng như tương đồng của từ tiếng nước ngoài so với tiếng mẹ đẻ.

Ví dụ, khi chúng ta nói từ "mùa đông" của Nga thì có nghĩa là chúng ta phải cung cấp cho người học thời gian bắt đầu, kết thúc của mùa này, nhiệt độ bình quân, các món ăn đặc trưng, sinh hoạt chủ yếu của con người, ngày lễ nếu có ... Đương nhiên tất cả những yếu tố văn hóa này chứa đựng trong từ "mùa đông" của Nga khác so với từ "mùa đông" trong tiếng Việt, ngoại trừ nét nghĩa tương đồng duy nhất là "lạnh".

Ở cấp độ lớn hơn từ, các thành tố văn hóa thể hiện trong cách suy nghĩ, giải quyết công việc đời thường của bản thân, gia đình, xã hội, những lo lắng, toan tính, quan tâm của người dân đất nước mình học tiếng.

2. Thành tố văn hóa trong Giáo trình tiếng Nga giai đoạn nâng cao

2.1. Một số đặc điểm cơ bản của giai đoạn nâng cao

Khác với giai đoạn cơ sở, giai đoạn nâng cao có những đặc điểm riêng xét về mặt kỹ năng nói, nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ mà người học đã có được. Trong giai đoạn này, sinh viên khoa Nga đã có thể tiến hành giao tiếp dưới dạng 4 kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, Viết những vấn đề mà xã hội quan tâm nói chung và xã hội Nga nói riêng. Ví dụ, công ăn việc làm, môi sinh, giải trí ... Đương nhiên, cách suy nghĩ, xét đoán của người Nga, của xã hội Nga không hoàn toàn giống như người Việt, xã hội Việt.

Trên cơ sở kiến thức tổng thể mà học sinh đã có được ở giai đoạn cơ sở, Giáo trình tiếng Nga ở giai đoạn nâng cao bao gồm các bài đọc phục vụ dạy nói và dạy đọc thường có độ dài từ 350 đến 500 từ. Các bài để ghi âm (Запись Tapescript) có độ dài từ 300-400 từ với khoảng 3-4 phút chạy băng. Các bài tập được soạn theo các dạng khác nhau, phục vụ vào chủ đề mà bài để cập đến.

2.2. Thành tố văn hóa trong Giáo trình

Thành tố văn hóa trong giáo trình được chứa đựng và giới thiệu theo từng chủ đề. Đó là các chủ đề như khí hậu, lễ tết, môi trường, giải trí, thị trường lao động, gia đình, ăn mặc ... Bài tập ở các dạng khác nhau được soạn kèm theo nhằm làm cho người học nắm bắt được nét khác biệt trong văn hóa của nước Nga.

Sau đây là một ví dụ minh họa cụ thể. Chúng tôi xin trích dẫn 1 bài trong Giáo trình. Đó là Bài số 13, Giáo trình Nghe dùng cho năm thứ 3, học phần 7, khoa Nga. Người biên soạn : TS. Nguyễn Quý Mão. Bài kể về mùa đông và ngày lễ cổ truyền của người Nga, quần áo, trò chơi, các món ăn dân tộc, các hình thức giải trí trong kì nghỉ lễ này.

УРОК 13

Времена года и праздники.

Như có thể thấy ở cột bên, phần từ vựng làm quen người học với tên gọi của ngày lễ cổ truyền Sla-vơ, đấu tay, thùng rượu vốt-ca, vật với gấu, các tiết mục biểu diễn, Ông già Tuyết, Nàng chúa Tuyết, xe trượt tuyết, bánh làm bằng đại mạch, các hình con thú, người nặn bằng bột, mặt nạ hình súc vật, bói tay, món ăn có tính nghi lễ Ku-chia, vai trò của con dê trong ngày lễ.

Новые слова и конструкции в старину называли "потехами", кулачный бой-соревнования в силе и ловкости, бочонок медовой водки, медвежья травля, фестиваль, народные ансамбли, театрализованное представление, Дед Мороз, Снегурочка, забава, с ледяной горы на санках, поиграть в снежки, Коляда - славянский праздник, солнце поворачивает на лето, предсказывать урожай обряды, жгли костры, пекли из теста фигурки, надевать маски зверей и птиц, гадать, В хатах зажгли свечи или лучины, ряженые, горшок с кашей, сварили на меду из ячменя, ритуальное блюдо "кутья", праздничное застолье, коза.

Задание 1. Прослушайте и заполните пробелы уловленной информацией. Bài tập yêu cầu điền thông tin còn thiếu vào chỗ để trống.

Встречать Новый год зимними праздниками, играми, (1)----- старинная русская традиция. Она связана (2)----- жизни русского народа, основным (3)----- которого ещё а прошлом веке было (4)----- . Весна, лето, и осень - время (5)----- работ. Много нужно было (6)----- сделать крестьянину. Для отдыха и праздников времени (7)----- . Но наступала зима, и её встречали праздниками. Праздничные развлечения (8)----- называли "потехами".

Ответ задания 1.

(1) развлечениями, (2) с образом, (3) занятием, (4) земледелие, (5) сельскохозяйственных, (6) успеть, (7) не было, (8) в старину

Задание 2. Закончите предложения, используя полученную информацию. Bài tập yêu cầu kết thúc câu bằng các thông tin về văn hóa đã có được.

1. Любимой потехой "удалых молодцев" в древности-----
2. Без кулачного боя не -----
3. Это были спортивные соревнования-----
4. Все самые сильные мужчины деревень городов -----
5. Другой известной нам народной потехой в XVII веке была-----
6. В соревнованиях участвовали охотники и они должны были -----

Ответ задания 2.

1. был традиционный кулачный бой. 2. проходил ни один зимний праздник. 3. в силе и ловкости. 4. участвовали в этой потехе.
5. медвежья травля. 6. победить медведя.

Задание 3. Прослушайте и отметьте знаком √ после точной информации. Bài tập yêu cầu đánh dấu vào thông tin đúng về các hoạt động văn hóa.

1. Никогда не прошли времена кулачных боёв и медвежьей травли.
2. В конце декабря начинается в Москве фестиваль искусств "Русская зима".
3. Их искусство не показано зрителям .
4. Театрализованное представление - одно из интереснейших.
5. Зрителям не разрешаются принять участие в народных забавах.
6. Зрители могут покататься с ледяной горы на санках, поиграть в снежки.

Ответ задания 3.

2. √ 4. √ 6. √

Задание 4. Поставьте буквой "П" (правильно) или "Н" (неправильно) после каждой информации. Bài tập yêu cầu đánh dấu đúng sai vào các thông tin văn hóa có được.

1. Коляда - это древний русский праздник.
2. Его праздновали в конце ноября.
3. Потом этот праздник стал новогодним.
4. У народов Украины, Белоруссии и России есть такой праздник.

Ответ задания 4.

- 1.Н 2. Н 3. П 4. П

Задание 5. Прослушайте и поставьте слова в точный порядок, который вам удалось уловить. Bài tập yêu cầu sắp xếp lại theo trật tự đúng các thông tin về văn hóa.

1. совершали разные обряды
2. пекли фигурки животных и птиц
3. погода интересовала
4. надевали маски
5. жгли костры
6. люди гадали
7. женихи
8. природа предсказывала урожай

Ответ задания 5.

- 8-1-5-2-4-6-3-7

Задание 6. Ответьте на вопросы, используя данную информацию. Bài tập yêu cầu hỏi tương lại các sự kiện văn hóa bằng cách trả lời các câu hỏi về nội dung các sự kiện văn hóa.

1. Как появились на улицах ряженные ?
2. Как идут они по деревенской улице ?
3. Правда, что жители деревни с нетерпением ждут ряженных ?
4. Как хозяева принимают ряженных ?
5. Что следует после праздничного застолья ?
6. Что в центре внимания жителей ? Почему ?

Ответ задания 6.

1. в костюмах и масках.
2. смеются, входят в хаты и желают хозяевам хорошего.
3. Да.
4. радуются им, угощают их, приглашают за праздничный стол.
5. весёлое представление.
6. Коза. Потому что верили, что коза - признак хорошего урожая.

Như có thể thấy qua thí dụ trên, thành tố văn hóa đã được đưa vào thông qua mảng từ vựng theo một chủ đề nhất định, được củng cố, tái hiện qua hệ thống bài tập. Trên đây chỉ là một thí dụ nhỏ. Thực tế trong giáo trình các thành tố văn hóa, cách trình bày cũng như hệ thống bài tập đa dạng hơn nhiều.

3. Kết luận

Thành tố văn hóa là một phần không thể thiếu trong các Giáo trình dạy tiếng nước ngoài nói chung và tiếng Nga nói riêng. Học một thứ tiếng nước ngoài đồng nghĩa với sự tiếp cận dù muốn hay không muốn và tiếp thu có chọn lọc cái hay cái đẹp của nền văn hóa khác.

Nhiệm vụ của những Giáo trình dạy tiếng nước ngoài là chọn lựa những thành tố văn hóa đặc trưng nhất, đại diện nhất cho dân tộc, đất nước có thứ tiếng được nghiên cứu, chọn lựa được cánh giới thiệu tối ưu và hệ thống bài tập hữu hiệu giúp người học nắm bắt được tinh hoa văn hóa của thứ tiếng mình học, giúp họ có thể sử dụng được nó trong công việc hàng ngày cũng như trong khi tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài, tránh được những cú sốc do sự khác biệt về văn hóa gây ra.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KẾT HỢP GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY VĂN HÓA Ở GIAI ĐOẠN TRUNG, CAO CẤP TIẾNG HÁN DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ĐỖ THỊ MINH

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Trung Quốc

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

Đặt vấn đề

Văn hóa là phần linh hồn của ngôn ngữ. Nhiệm vụ của người giáo viên dạy ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng là phải giúp người học nắm bắt được phần hồn đó. Mà đã gọi là “hồn” thì khi ẩn khi hiện không dễ tiếp cận. Trong giảng dạy để làm chủ được phần hồn của ngôn ngữ, người thầy cần dựa vào hai biện pháp chính đó là : phương pháp giảng dạy đúng đắn khoa học và các bộ giáo trình hoàn chỉnh được biên soạn chuẩn mực. Gần đây, vấn đề này đã trở thành trọng tâm nghiên cứu, hội nghị khoa học kỳ này là một bước tiếp tục ở mức độ nghiên cứu sâu hơn. Bản báo cáo khoa học sau đây xin được thử nêu một số phương pháp giảng dạy